

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50./2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Bà Trần Thị Tím

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Trâm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kim Ph, sinh ngày 02/9/1974;

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Thạch Thị Sa D, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 và bản tự khai của nguyên đơn ông Kim Ph trình bày: Năm 2001 ông Kim Ph và bà Thạch Thị Sa D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cha mẹ hai bên đồng ý cho phép tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 134, ngày 19/12/2005. Sau ngày cưới ông, bà về sống bên cha mẹ ông Ph tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vợ chồng rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc cho nhau nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại, thường xuyên cự cãi nên bà Sa D bỏ đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay hai bên không ai tạo được cơ hội hàn gắn. Nay nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Thạch Thị Sa D.

Về con chung: Có 03 người con tên Kim Phi Th, sinh ngày 10/01/2002, Kim Phi H, sinh ngày 05/05/2005 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; còn Kim Thị H, sinh ngày 17/7/2010, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con dưỡng và không yêu cầu bà Sa D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phkhai không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn bà Thạch Thị Sa D: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Sa D. Quá trình giải quyết vụ án bà Sa D đã vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Do đó Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của cháu Kim Thị H có nguyện vọng chung sống với ông Kim Ph.
- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Về hôn nhân: Ông Kim Ph được ly hôn với bà Thạch Thị Sa D.
- Về con chung: Giao cháu Kim Thị H, sinh ngày 17/7/2010 cho ông Kim Ph tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu H), ông Kim Ph không yêu cầu bà Sa D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn ông Kim Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn là bà Thạch Thị Sa D vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật

tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Ph và bà Thạch Thị Sa D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Kim Ph và bà Thạch Thị Sa D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện C ngày 12/6/2010, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn ông Ph và bà Sa D có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được. Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không thành nên bà Sa D đã chuyển ra khỏi nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ph và bà Sa D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho ông Ph được ly hôn bà Sa D là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của ông Ph cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Tên Kim Phi Th, sinh ngày 10/01/2002, Kim Phi H, sinh ngày 05/05/2005 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; còn Kim Thị H, sinh ngày 17/7/2010 ông Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu H) và không yêu cầu bà Sa D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kim Ph xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Kim Ph là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Kim Ph, cho ông Kim Ph được ly hôn với bà Thạch Thị Sa D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Kim Thị H, sinh ngày 17/7/2010 cho ông Kim Ph tiếp tục nuôi dưỡng (là phù hợp với nguyện vọng của cháu H). Bà Thạch Thị Sa D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kim Ph xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Kim Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Kim Ph đã nộp theo biên lai thu số 0003506 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên ông Kim Ph không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha